

Số: 43 /2025/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 14 tháng 11 năm 2025

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-NHNN quy định về trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 3

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Giám sát an toàn vi mô là hình thức giám sát an toàn đối với từng đối tượng giám sát an toàn vi mô.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 như sau:

“b) Đối tượng giám sát an toàn vĩ mô là hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách).”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

“5. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 như sau:

“6. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô là Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng được giao nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 9 như sau:

“a) Kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra (trừ Kết luận thanh tra, kết quả kiểm tra, quyết định xử lý về thanh tra thuộc trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Thanh tra của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh);”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 12 như sau:

“12. *Rủi ro hệ thống* là khả năng xảy ra tổn thất lan truyền từ sự gián đoạn hoạt động, đổ vỡ của một hoặc một số tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tới hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, làm gián đoạn hoạt động của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong hệ thống.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 15 như sau:

“15. *Ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống* là ngân hàng thương mại mà khi ngân hàng thương mại này mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán, phá sản thì có khả năng gây tác động tiêu cực lên toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và/hoặc gây ra rủi ro hệ thống làm gián đoạn hoạt động của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và toàn bộ nền kinh tế.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 17 như sau:

“17. *Sổ tay giám sát an toàn vi mô*, *Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô* là tài liệu hướng dẫn cụ thể về nghiệp vụ giám sát an toàn vi mô, giám sát an toàn vĩ mô do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

- a) Thu thập, tổng hợp, xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu;
- b) Hướng dẫn về hoạt động giám sát ngân hàng;
- c) Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng;
- d) Hồ sơ giám sát ngân hàng;
- đ) Mẫu báo cáo giám sát ngân hàng.”.

9. Bãi bỏ khoản 18.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4

“1. Các nguyên tắc quy định tại Điều 51 Luật số 46/2010/QH12.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 7

1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1 khoản 1 Điều 7 như sau:

“1) Tài liệu, thông tin, dữ liệu từ các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước và các nguồn khác (nếu có).”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thu thập tài liệu, thông tin, dữ

liệu từ các nguồn quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 1 Điều này thông qua hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa và hệ thống thông tin khác theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Căn cứ vào yêu cầu giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng cung cấp tài liệu, thông tin, dữ liệu ngoài các tài liệu, thông tin, dữ liệu quy định tại khoản 1 Điều này.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 9

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a, b và c khoản 1 như sau:

“a) Giám sát tuân thủ chế độ báo cáo thống kê, chế độ thông tin báo cáo theo quy định của Luật số 46/2010/QH12, Luật số 32/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn có liên quan trong phạm vi thẩm quyền, trách nhiệm của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

b) Giám sát tuân thủ các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137 và 138 Luật số 32/2024/QH15; phân loại tài sản có, trích lập dự phòng và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Giám sát tuân thủ việc đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý, người điều hành quy định tại Điều 41 và khoản 3 Điều 98 Luật số 32/2024/QH15; và việc tuân thủ cơ cấu tổ chức, quản trị, điều hành, kiểm soát của đối tượng giám sát theo quy định tại Chương IV Luật số 32/2024/QH15;”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 như sau:

“đ) Rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát an toàn vi mô ban hành theo quy định tại Điều 101 và khoản 7 Điều 198a Luật số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15: Hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lựa chọn một số quy định nội bộ để tiến hành rà soát.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát tuân thủ việc thực hiện chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô (nếu có) theo chức năng, nhiệm vụ được giao.”.

4. Sửa đổi, bổ sung câu mũ khoản 3 như sau:

“3. Đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát rủi ro thông qua phân tích, nhận định về rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng về một hoặc một số hoặc tất cả các nội dung sau đây:”.

5. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 như sau:

“a) Phân tích, nhận định về những thay đổi trọng yếu, các biến động bất thường thông qua việc sử dụng các ngưỡng thay đổi của các khoản mục tài sản,

nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lãi dự thu, chi phí, kết quả kinh doanh, và các hạn chế, giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng quyết định các ngưỡng thay đổi của các khoản mục nêu trên;”.

6. Sửa đổi, bổ sung điểm b(i) và điểm b(ii) khoản 3 như sau:

“(i) Thay đổi về người quản lý, người điều hành được quy định tại Điều 41 và Điều 98 Luật số 32/2024/QH15 của đối tượng giám sát an toàn vi mô;

(ii) Thay đổi về tình hình cổ đông, sở hữu cổ phần, cổ phiếu của người quản lý, người điều hành, cổ đông lớn và người có liên quan của các cá nhân, tổ chức này (trong đó bao gồm cả khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát đối với tổ chức tín dụng là công ty cổ phần);”.

7. Bổ sung khoản 3a và khoản 3b vào sau khoản 3 như sau:

“3a. Trong từng thời kỳ, trường hợp cần thiết, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành phương pháp phân tích rủi ro và tổ chức triển khai để thực hiện giám sát rủi ro.

3b. Đối với ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống, trong từng thời kỳ, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định các nội dung giám sát rủi ro trên cơ sở nội dung quy định tại khoản 3 Điều này phù hợp với mức độ ảnh hưởng của đối tượng giám sát này và nguồn lực của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô.”.

Điều 5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung câu mũ khoản 1 như sau:

“1. Căn cứ tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) áp dụng giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát an toàn vi mô khi lâm vào một trong các trường hợp sau đây:”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 như sau:

“b) Đối tượng giám sát an toàn vi mô được can thiệp sớm theo quy định của pháp luật và Thông tư này;”.

3. Sửa đổi, bổ sung câu mũ khoản 2 như sau:

“2. Căn cứ tình hình, thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) việc giám sát tăng cường (trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này), trong đó tối thiểu bao gồm:”.

4. Bổ sung khoản 3 và khoản 4 vào sau khoản 2 như sau:

“3. Trường hợp đối tượng giám sát an toàn vi mô thực hiện phương án khắc phục quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật số 32/2024/QH15, đơn vị giám sát an toàn vi mô thực hiện giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 160 Luật số 32/2024/QH15.

4. Dừng giám sát tăng cường

a) Trường hợp giám sát tăng cường theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh), xem xét, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định (đối với trường hợp đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô là Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) dừng giám sát tăng cường khi đối tượng giám sát an toàn vi mô không còn thuộc các trường hợp này; hoặc

b) Trường hợp giám sát tăng cường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, việc dừng giám sát tăng cường được thực hiện theo chỉ đạo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 12

“3. Nguyên tắc lập, phê duyệt báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ:

a) Báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng đầu năm phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 trong năm. Báo cáo giám sát an toàn vi mô hằng năm phải được hoàn thành trước ngày 30 tháng 4 năm tiếp theo.

Đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được giám sát tăng cường, ngoài báo cáo giám sát an toàn vi mô 6 tháng đầu năm và báo cáo giám sát an toàn vi mô hằng năm, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô lập báo cáo giám sát an toàn vi mô quý I và phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 5 trong năm và báo cáo giám sát an toàn vi mô quý III phải hoàn thành trước ngày 15 tháng 11 trong năm;

b) Báo cáo giám sát an toàn vi mô được lập theo mẫu báo cáo tại Sổ tay giám sát an toàn vi mô;

c) Việc phê duyệt báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ thực hiện như sau:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vi mô định kỳ phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô;

(ii) Trường hợp báo cáo giám sát an toàn vi mô kiến nghị biện pháp xử lý đối với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thì báo cáo giám sát an toàn vi mô phải được trình cấp có thẩm quyền đó để xem xét, quyết định.”.

Điều 7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13

“2. Trường hợp đối tượng giám sát ngân hàng được can thiệp sớm, hồ sơ giám sát an toàn vi mô cần bổ sung thêm phương án khắc phục, các văn bản, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước đối với việc can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Chương IX Luật số 32/2024/QH15.”.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 15

1. Thay thế cụm từ “Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng” bằng cụm từ “Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng” tại khoản 1.
2. Bỏ cụm từ “, nhóm” tại điểm b khoản 3.
3. Bãi bỏ khoản 5 và khoản 6.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 16

1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất hoặc định kỳ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này theo mẫu báo cáo tại Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô;”.

2. Sửa đổi, bổ sung câu mũ khoản 2 như sau:

“2. Nguyên tắc lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô đột xuất:”.

3. Bỏ cụm từ “, nhóm” tại điểm a khoản 2.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau:

“3. Nguyên tắc lập báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ:

a) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô 6 tháng đầu năm phải được hoàn thành trước ngày 31 tháng 8 trong năm. Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô hằng năm phải được hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 năm tiếp theo;

b) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô định kỳ được phê duyệt theo nguyên tắc:

(i) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô phải được phê duyệt bởi Lãnh đạo đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô;

(ii) Trường hợp báo cáo giám sát an toàn vĩ mô kiến nghị biện pháp xử lý đối với cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật thì báo cáo giám sát an toàn vĩ mô phải được trình cấp có thẩm quyền đó để xem xét, quyết định.”.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 19

“1. Trong trường hợp phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vĩ mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng giải trình.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 20

“1. Trong trường hợp cần thiết, khi phát hiện tài liệu, thông tin, dữ liệu bị thiếu, lỗi, sai hoặc cần làm rõ theo yêu cầu của giám sát an toàn vĩ mô hoặc những vấn đề có liên quan đến việc chấp hành không đầy đủ các quy định pháp luật, chỉ đạo, yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc liên quan đến rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định thành lập tổ công tác, nội dung làm việc trực tiếp với đối tượng giám

sát ngân hàng.”.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Điều 21

“Điều 21. Các biện pháp xử lý trong giám sát ngân hàng

1. Căn cứ vào kết quả giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô xem xét, thực hiện một hoặc một số biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô sau đây:

- a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;
- b) Yêu cầu đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô;
- c) Xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật số 46/2010/QH12; việc xử lý thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;
- d) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền áp dụng biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 12 Điều 4 và khoản 2 Điều 59 Luật số 46/2010/QH12, khoản 1 Điều 47 Luật số 32/2024/QH15;
- đ) Tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo thẩm quyền:
 - (i) Áp dụng hình thức giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng;
 - (ii) Kiến nghị tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;
 - (iii) Thực hiện can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt và áp dụng các yêu cầu, biện pháp trong can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của Luật số 32/2024/QH15 và quy định của pháp luật có liên quan;
 - (iv) Quyết định thành lập tổ giám sát để theo dõi, giám sát đối tượng giám sát ngân hàng;
 - (v) Áp dụng các biện pháp kiểm soát giao dịch tiềm ẩn rủi ro của đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định của pháp luật;
 - (vi) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;

e) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ vào kết quả giám sát ngân hàng, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô xem xét, thực hiện một hoặc một số biện pháp xử lý trong giám sát an toàn vĩ mô sau đây:

- a) Thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với đối tượng giám sát ngân hàng;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng;

c) Kiến nghị đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô áp dụng biện pháp xử lý quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.”.

Điều 13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 22

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Căn cứ kết quả giám sát, đơn vị thực hiện giám sát ngân hàng quyết định xem xét, phê duyệt khuyến nghị, cảnh báo đối với đối tượng giám sát ngân hàng.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Khi đánh giá, phân tích các thông tin định tính phản ánh các rủi ro tiềm ẩn và nguy cơ vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng từ kết quả giám sát kết hợp với kết luận thanh tra, kết luận kiểm toán độc lập, kết luận kiểm toán nội bộ, thông tin từ các cơ quan quản lý nhà nước khác;”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 23

“Điều 23. Can thiệp sớm đối với đối tượng giám sát ngân hàng

1. Thẩm quyền quyết định can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài:

a) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung sau đây đối với đối tượng giám sát thuộc trách nhiệm giám sát của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng:

(i) Thực hiện can thiệp sớm khi tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 156 Luật số 32/2024/QH15;

(ii) Có văn bản yêu cầu tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 156, Điều 157, Điều 160 Luật số 32/2024/QH15;

(iii) Có văn bản theo quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 161 Luật số 32/2024/QH15;

(iv) Có ý kiến đối với phương án khắc phục theo quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 158 Luật số 32/2024/QH15;

(v) Xem xét, chấp thuận việc áp dụng biện pháp hỗ trợ đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm quy định tại khoản 4 Điều 158 và Điều 159 Luật số 32/2024/QH15;

(vi) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước về can thiệp sớm tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định tại Luật số 32/2024/QH15;

b) Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội

dung quy định tại điểm a khoản này đối với đối tượng giám sát (không bao gồm chi nhánh của tổ chức tín dụng) thuộc trách nhiệm giám sát của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.

Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh báo cáo, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng) đối với các nội dung vượt thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh quy định tại Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Báo cáo, giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục:

a) Định kỳ hàng tháng hoặc theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô, đối tượng giám sát ngân hàng báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện phương án khắc phục cho Ngân hàng Nhà nước (Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh) trước ngày 10 của tháng tiếp theo (đối với báo cáo định kỳ) hoặc theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô (đối với báo cáo theo yêu cầu của đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô) để giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này;

b) Báo cáo giám sát an toàn vĩ mô quy định tại Điều 12 Thông tư này phải bao gồm việc giám sát ngân hàng đối với phương án khắc phục theo quy định tại Luật số 32/2024/QH15 và Thông tư này.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 24

“Điều 24. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng

1. Thực hiện giám sát an toàn vĩ mô đối với đối tượng giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.

2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này.

3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vĩ mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vĩ mô) cho đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước và các đơn vị khác có liên quan.

4. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vĩ mô trong từng thời kỳ.

5. Trường hợp cần thiết, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước thực hiện các nội dung giám sát an toàn vĩ mô đột xuất quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 15 Thông tư này.

6. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vĩ mô.

7. Căn cứ vào các chỉ tiêu về quy mô, tính liên kết lẫn nhau, khả năng thay thế, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để lập danh sách ngân hàng thương mại có tầm quan trọng hệ thống trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành trước ngày 31 tháng 3 hằng năm.

8. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 25

“Điều 25. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.
2. Phân công công chức thực hiện nhiệm vụ giám sát an toàn vi mô theo quy định tại Thông tư này.
3. Xem xét, quyết định cơ chế cán bộ chuyên quản đối với từng đối tượng giám sát ngân hàng; cán bộ chuyên quản có quyền tiếp cận thông tin tổng thể về đối tượng giám sát ngân hàng do mình giám sát.
4. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước.
5. Tham mưu, đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Thông tư này.
6. Đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan quyết định các ngưỡng giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong từng thời kỳ.
7. Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước chi nhánh thực hiện giám sát tăng cường theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.
8. Giám sát việc thực hiện phương án khắc phục theo quy định tại Luật số 32/2024/QH15 và Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.
9. Căn cứ quy định tại Thông tư này, chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Sổ tay giám sát an toàn vi mô để hướng dẫn nghiệp vụ về giám sát an toàn vi mô; tham mưu, trình Thống đốc ban hành hướng dẫn về quản lý, giám sát an toàn vi mô đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
10. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 26

“Điều 26. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh

1. Thực hiện giám sát an toàn vi mô đối với các đối tượng giám sát thuộc phạm vi trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh.
2. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là quỹ tín dụng nhân dân).

3. Định kỳ, đột xuất cung cấp kết quả giám sát an toàn vi mô (trong đó bao gồm báo cáo giám sát an toàn vi mô) cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng (trừ kết quả giám sát an toàn vi mô đối với đối tượng giám sát ngân hàng là chi nhánh của tổ chức tín dụng, quỹ tín dụng nhân dân).

4. Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh xem xét, quyết định các nội dung quy định tại điểm b khoản 1 Điều 23 Thông tư này.

5. Thực hiện giám sát tăng cường đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo quy định tại Thông tư này và Quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hoặc Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh đối với từng trường hợp cụ thể.

6. Thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2, 3 và 8 Điều 25 Thông tư này đối với đối tượng giám sát thuộc thẩm quyền.

7. Trách nhiệm khác theo quy định tại Thông tư này và theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.”.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Điều 28

“Điều 28. Trách nhiệm của các đơn vị khác có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Thanh tra Ngân hàng Nhà nước cung cấp kịp thời thông tin liên quan đến thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra đối với đối tượng giám sát ngân hàng theo chức năng, nhiệm vụ được giao cho Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng.

2. Cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu theo yêu cầu của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh theo quy định tại Thông tư này và theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong hoạt động giám sát ngân hàng.

4. Phối hợp với Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh trong việc rà soát các quy định nội bộ của đối tượng giám sát ngân hàng ban hành theo văn bản quy phạm pháp luật do đơn vị đó đầu mối xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành.”.

Điều 19. Bãi bỏ một số khoản, điều, phụ lục

1. Bãi bỏ khoản 2 Điều 5 và Điều 27.

2. Bãi bỏ Phụ lục II, III và IV.

Điều 20. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Điều 21. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời gian chưa ban hành Sổ tay giám sát an toàn vi mô, Sổ tay giám sát an toàn vĩ mô theo quy định tại Thông tư này, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vi mô, đơn vị thực hiện giám sát an toàn vĩ mô thực hiện báo cáo theo mẫu báo cáo giám sát quy định tại Phụ lục II, III và IV Thông tư số 08/2022/TT-NHNN và các nội dung giám sát theo Thông tư số 08/2022/TT-NHNN đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 20;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Cổng TTĐT của NHNN;
- Lưu: VP, PC, ATHT2 (03 bản).

**Đoàn Thái Sơn**

M